

Những đặc điểm của văn học du ký trung đại

Nguyễn Thị Thúy Hằng*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 02 tháng 5 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 10 tháng 8 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 8 năm 2014

Tóm tắt: Nói một cách vắn tắt, du ký là sáng tác văn học của tác giả đi du lịch. Đây là thể loại bút ký đặc biệt ghi lại những cảm hứng của người đi khi khám phá những vùng đất lạ, cảm xúc về những lộ trình mới, hình ảnh về những chuyến đi đặc biệt. Có nhà nghiên cứu đã nhận xét: Đi du lịch thực chất là di chuyển trong không gian văn hóa – địa lý mới lạ. Không chỉ đi du lịch ra nước ngoài, ngay cả việc đi du lịch nội địa cũng là di chuyển đến không gian của “người khác”. Vì vậy mà văn học du lịch gắn liền với cảm hứng tìm hiểu sự khác lạ.

Văn thơ trung đại có khá nhiều những tác phẩm mang tính chất của thể tài du ký. Những chuyến đi thời trung đại hầu hết không phải là những chuyến du lịch theo đúng nghĩa mà đều là những chuyến công cán, đi sứ, đi thi, hoặc có mục đích khác. Văn du ký trung đại cũng khá phong phú về hình thức: có thơ, có văn xuôi, có du ký “nội địa”, và đến thế kỷ XIX khi bắt đầu tiếp xúc Đông-Tây thì có du ký về khu vực Châu Á, Châu Âu...

Kiểu tác giả của văn học trung đại chủ yếu là thiền sư, nhà nho. Thiền sư viết thi-kệ để truyền giảng giáo lý, nhà nho làm thơ, viết văn để nói chí, tài đạo, ít quan tâm đến phản ánh, nhận thức hiện thực.

Như trên chúng tôi đã nói, *du ký trung đại* (chúng tôi tạm gọi như vậy cho mảng thơ văn viết về tả cảnh, vịnh cảnh trên đường đi công cán của các nhà thơ trung đại) chủ yếu nằm trong thơ và văn xuôi đi sứ. Chúng tôi điểm qua một số tác gia tiêu biểu: Phạm Đình Hồ, Lê Hữu Trác, Lý Văn Phức, Phan Huy Chú, Phạm Phú Thứ, Cao Bá Quát, Trương Vĩnh Ký.

Thời trung đại ở Việt Nam, cũng đã xuất hiện loại sáng tác có tính chất du ký nhưng chưa nhiều. Chúng ta cần phân biệt hai loại sáng tác: thơ viết khi đi đường (đi thi, đi công cán, đi sứ...) và văn xuôi phi cốt truyện ghi chép về các chuyến đi.

Từ khóa: văn học trung đại, du lịch, các chuyến đi, du ký trung đại.

1. Khái niệm “du ký”

Nói một cách vắn tắt, du ký là sáng tác văn học của tác giả đi du lịch. Đây là thể loại bút

ký đặc biệt ghi lại những cảm hứng của người đi về phong vị khi khám phá những vùng đất lạ, cảm xúc về những lộ trình mới, hình ảnh về những chuyến đi đặc biệt. Từ điển thuật ngữ văn học đã định nghĩa tương đối đầy đủ về du ký: “Du ký - một thể loại văn học thuộc loại hình ký mà cơ sở là sự ghi chép của bản thân mình khi đi du lịch, ngoạn cảnh về những điều

* ĐT.: 84-983653771

Email: hangthu98@gmail.com

mắt thấy tai nghe của chính mình tại những xứ sở xa lạ hay những nơi ít người có dịp đi đến. Hình thức của du ký rất đa dạng, có thể là ghi chép, ký, sự, nhật ký, thư tín hồi tưởng, miễn là mang lại những thông tin, tri thức và cảm xúc mới lạ về phong cảnh, phong tục, dân tình của xứ sở ít người biết đến” [1] ... Nội dung của văn du ký rất rộng, song có thể qui gọn về hai nhóm lớn là các sáng tác viết về các chuyến đi (travel writing) có thể gọi là văn học du khảo và các bài viết về địa điểm (essays of place) có thể gọi là văn học du lãm; cả du khảo và du lãm đều nằm chung trong khái niệm du ký. Trong cuốn Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900-1945, nhà nghiên cứu Mã Giang Lân đã viết: “Thể loại văn học đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ phải kể đến du ký. Đây là một hình thức bút ký văn học được ghi lại bằng văn xuôi, thuật lại những chuyến đi của tác giả đến những vùng đất khác nhau...” [2].

Đi du lịch xưa nay chủ yếu là để khám phá sự khác lạ, tìm hiểu “người khác”. Có nhà nghiên cứu đã nhận xét : Đi du lịch thực chất là di chuyển trong không gian văn hóa – địa lý mới lạ. Không chỉ đi du lịch ra nước ngoài, ngay cả việc đi du lịch nội địa cũng là di chuyển đến không gian của “người khác”. Vì vậy mà văn học du lịch gắn liền với cảm hứng tìm hiểu sự khác lạ. Các nhà nghiên cứu Trung Quốc nói đến cầu tân, cầu dị, cầu mỹ trong khi đi du lịch cũng có ý đó [3].

Du ký là một thể loại văn học có nhiều chất tùy bút, thường không có cốt truyện, ghi chép về vẻ kỳ thú của cảnh vật thiên nhiên và cuộc đời; những cảm nhận, suy tưởng của tác giả trong những chuyến du ngoạn. Tác giả ghi chép lại các chuyến đi theo nhật trình có đan xen cảm xúc và những hiểu biết cũng như những khám phá về vùng đất mới nơi tác giả đi qua hoặc đến thăm. Du ký phản ánh, truyền đạt những nhận biết, những cảm tưởng, nhận thức mới mẻ của bản thân tác giả về những điều mắt thấy tai

nghe ở những xứ sở xa lạ, nơi mọi người ít có dịp đi đến và chứng kiến. Hình thức du ký có thể bao gồm các ghi chép, ký sự, hồi ký, thư tín, hồi tưởng... Tác giả của du ký thường bộc lộ niềm say mê khát khao tìm kiếm, khám phá những điều mới lạ.

Các tác phẩm du ký trên thế giới đã xuất hiện từ thế kỷ XV, khi các tàu buôn giao thương qua các châu lục. Ở phương Tây, khái niệm du ký (travel writing và essays of place) xuất hiện khá sớm từ thế kỷ XVI với những ghi chép về những chuyến thám hiểm của các nhà buôn. Những ghi chép đầy đủ và chi tiết trong các chuyến đi của họ mang đậm tính văn học và cũng là những tác phẩm bất hủ trong văn học thế giới.

Như chúng ta đã giới thuyết, du ký là những ghi chép từ những chuyến đi hoặc những miêu tả về địa điểm, không gian nơi đến, nên có thể coi tất cả các tác phẩm thơ cũng như văn xuôi trung đại viết trên đường đi sứ, trên đường triều kinh, viết về một địa danh, một cảnh vật không phải nơi ở của tác giả ... là các tác phẩm du ký. Văn thơ trung đại có khá nhiều những tác phẩm mang tính chất của thể tài này. Những chuyến đi thời trung đại hầu hết không phải là những chuyến du lịch theo đúng nghĩa mà đều là những chuyến công cán, đi sứ, đi thi, hoặc có mục đích khác. Văn du ký trung đại cũng khá phong phú về hình thức: có thơ, có văn xuôi, có du ký “nội địa”, và đến thế kỷ XIX khi bắt đầu tiếp xúc Đông-Tây thì có du ký về khu vực Châu Á, Châu Âu...

2. Bối cảnh văn hóa và kiểu tác giả

Bao phủ lên toàn bộ xã hội Việt Nam thời trung đại là tư tưởng Nho giáo với cửa Khổng sân Trình; con người sống trong lũy tre làng và giữa gia đình truyền thống, tâm lý an phận thủ thường, ngại đi xa là tâm lý phổ biến. Hễ đi xa

là con người bộc lộ tâm lý sợ hãi, lo âu, tâm trạng dặt khách quê người, chân trời góc biển, thương cha nhớ mẹ, hướng về phần mộ tổ tiên.... Nỗi nhớ nhà ấy, tâm lý ngại đi xa cũng thể hiện trong ca dao: *Chiều chiều ra đứng ngõ sau, Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.*

Đạo Hiếu với cha mẹ, đạo thờ tổ tiên cũng ràng buộc bước chân giang hồ của người xưa. Trong Luận ngữ - Lý Nhân, Khổng tử đã dạy: “Phụ mẫu tại bất viễn du; du tất hữu phương”, nghĩa là: “Cha mẹ còn sống chớ đi chơi xa; nếu đi xa phải có nơi nhất định”. Điều đó, vừa là để cha mẹ khỏi lo lắng về mình, vừa là để nếu cha mẹ có mệnh hệ gì thì còn có chỗ mà báo tin cho con cái.

Một lý do nữa cản trở những người muốn đi xa là khoa học kỹ thuật xưa còn kém phát triển, cầu đường lạc hậu, phương tiện giao thông xe cộ cũng lạc hậu; khả năng trị an, bảo đảm trật tự xã hội, nạn giết người cướp của cũng là những nguyên nhân quan trọng hạn chế văn hóa du lịch. Ca dao có câu: Yêu em anh cũng muốn vô, Sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.

Kiểu tác giả của văn học trung đại chủ yếu là thiền sư, nhà nho. Thiền sư viết thi-kệ để truyền giảng giáo lý, nhà nho làm thơ, viết văn để nói chí, tải đạo, ít quan tâm đến phản ánh, nhận thức hiện thực. Khổng Tử nói “nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy” (người có đức Nhân thì vui với núi, người có đức trí thì vui với nước). Viết về sơn thủy chính là cách thể hiện tư tưởng khẳng định Nhân - Đức của nhà nho [4].

Trong các tác phẩm thi văn viết trong những chuyến đi trong nước hay đi sứ Trung Quốc, các nhà nho chủ yếu bộc lộ tư tưởng, tình cảm của một nhân vật đạo đức chính trị. Tình yêu thiên nhiên là cách thể hiện con người cao khiết, thanh sạch. Chứng kiến một nỗi khổ của người dân xứ người là sự bộc lộ tình thương

yêu con người theo đạo nhân, bộc lộ tư tưởng thân dân. Nói chung, thơ viết trên đường đi xa, lưu lạc xứ người là cách thể hiện tâm hồn, tình cảm nhiều hơn là sự khám phá sự mới lạ, độc đáo của những nền văn hóa khác lạ.

Mặc dù vậy, khao khát được đi để mở mang vẫn mong ước của nhiều người qua nhiều thế hệ. Câu ca dao: *Đi cho biết đó biết đây, Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn* là một minh chứng.

Như trên chúng tôi đã nói, *du ký trung đại* (chúng tôi tạm gọi như vậy cho mảng thơ văn viết về tả cảnh, vịnh cảnh trên đường đi công cán của các nhà thơ trung đại) chủ yếu nằm trong thơ và văn xuôi đi sứ. Nguyễn Công Lý đã viết: “Nhìn chung, về nội dung của thơ đi sứ, các vị sứ thần - nhà thơ thường gợi cảm nỗi niềm tâm tư tình cảm của mình trên hành trình đi sứ xa xôi, đầy khó khăn gian khổ, với trọng trách lớn lao đối với đất nước, nhân dân mà triều đình đã giao phó. Bên cạnh những bài thơ mang tính xã giao, thù tạc khi xướng họa, đối đáp, đề tặng thì số còn lại đa phần là thơ tả cảnh, vịnh cảnh vừa thể hiện nét tài hoa tinh tế, bộc lộ cảm hứng dạt dào yêu mến trước thiên nhiên tạo vật, vừa bộc lộ tâm sự nhớ quê hương, lại vừa phản ánh trách nhiệm đối với đất nước, thể hiện lòng tự hào dân tộc, văn hoá văn hiến Việt Nam.” [5]. Chúng tôi sẽ điểm qua một số tác gia tiêu biểu.

Các nhà nho xưa vẫn coi “văn dĩ tải đạo, thi dĩ ngôn chí” nên các tác phẩm văn học viết về các chuyến đi thời trung đại không hướng đến miêu tả cái thực mà thể hiện “cái thần của một trạng thái hòa nhập tâm và cảnh” [6]

Nhà thơ Tản Đà vốn được coi là gạch nối giữa hai nền văn học trung đại và hiện đại. Ông có lẽ thuộc về thế hệ nhà thơ đi du lịch xuyên Việt đầu tiên khi có đường sắt, đường bộ nối liền Bắc-Nam một dải. Thơ ông mang đậm màu sắc của văn du ký:

Đường vô xứ Huế quanh quanh

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ

Nhiều người lầm tưởng đây là ca dao nhưng thực chất là thơ của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Trong bài viết *Chơi Huế* trong tập *Tản-Đà Văn-Văn toàn tập* do Sống Mới xuất bản, Tản Đà đã kể lại chuyện đi Huế. Năm 1927, ông vào Sài Gòn làm báo, được Diệp Văn Kỳ,..., tặng 1000 đồng tiền Đông Dương. Tản Đà đã dùng số tiền này đi du lịch từ Nam ra Bắc để thỏa nguyện ước “đi” và “sống” như Nguyễn Tuân đã nói. Trường hợp đi du lịch nhiều như Tản Đà rất hiếm hoi ở thời trung đại.

Từ thế kỷ 18 Phạm Đình Hổ đã viết *Vũ Trung tùy bút* (Những ghi chép tản mạn trong mưa) và *Tang thương ngẫu lục* (Những câu chuyện ghi chép tình cờ trong cuộc bể dâu) đều là những tài liệu quý dùng để khảo cứu về lịch sử, địa lý, điển lễ, phong tục ở cuối đời Lê. Ngoài rất nhiều những ghi chép theo thể ký ông còn viết về các danh lam thắng cảnh như: Bài ký chơi núi Phật Tích (Chùa Thầy), núi Dục Thúy,...; và viết về các di tích lịch sử như: Bia núi Thành Nam, Tháp chùa Báo Thiên, Thành cũ Trào Khẩu, Miếu Thanh Cầm, Cái miếu cổ ở cử Đông Hoa....

Thượng Kinh ký sự của Lê Hữu Trác được viết xong năm 1783 bằng chữ Hán, tả lại quang cảnh trong chuyến đi đến kinh đô, tả lại cuộc sống xa hoa trong phủ chúa Trịnh và quyền uy, thế lực của nhà chúa - những điều Lê Hữu Trác mắt thấy tai nghe trong chuyến đi từ Hương Sơn ra Thăng Long chữa bệnh cho thế tử Trịnh Cán và chúa Trịnh Sâm. *Thượng Kinh ký sự* là một tác phẩm văn học vô cùng quý giá... Lê Hữu Trác viết theo thể nhật ký, không chia chương mục. Đây là một tác phẩm viết về chuyến đi công cán chứ không phải cuộc du lịch, tuy vậy, vẫn có nhiều đoạn có màu sắc du

ký, nhất là cảnh đẹp dọc đường, các bức tranh hiện thực nơi phủ chúa Trịnh...

Trong những chuyến công cán (trong nước) và đi sứ (ra nước ngoài), các tác giả có dịp tận mắt thưởng ngoạn nhiều thắng cảnh thiên nhiên kỳ thú, nhiều danh lam nổi tiếng. Các tác giả trung đại ấy có lẽ là những người được đi nhiều, hoặc cũng có thể họ đi nhiều nên mới có thơ văn tả cảnh thiên nhiên rất đẹp trên đường họ đi qua, những cảm xúc nơi đất khách quê người.

Nhưng đến thế kỷ XIX, cuộc tiếp xúc văn hóa với phương Tây đã đem lại nhiều thay đổi căn bản. Phương tiện giao thông thay đổi, quan hệ giao thương và ngoại giao mới, nhất là những dân tộc xa lạ, những nền văn hóa mới đã kích thích óc tìm hiểu và suy nghĩ của các nhà nho Việt Nam.

Vua Gia Long mang tiếng nợ Tây phương nhiều nhưng ông lại là người rất cảnh giác với Tây phương. Trong thời gian tại vị từ 1802-1820, Gia Long không cử bất kỳ ai đi bất kỳ chuyến công du nào. Nhưng vua Minh Mạng đã thay đổi hẳn chính sách.

Có lẽ *Lý Văn Phức* là người đầu tiên được vua Minh Mạng cử đi sứ. Ông được cử đi Bengale xem chính sách người Anh ở Ấn Độ như thế nào. Ông đi qua rất nhiều nơi và viết rất nhiều về những điều tai nghe mắt thấy hay ghi lại cảm xúc trên đường đi. Ông được coi là một tác gia tiêu biểu của giai đoạn văn học Việt Nam thế kỷ XVIII-XIX với một di sản văn học đồ sộ bao gồm một số lượng lớn những tác phẩm Hán và Nôm, cả thơ và văn như: cảm hoài, thơ xướng họa, ký sự, tạp ký, luận thuyết, nhật ký, tự thuật, phú, truyện thơ Nôm, gia phả, văn tế tự, bạt, chiếu, chế, từ, biểu, câu đối... Các tác phẩm chữ Hán của ông chủ yếu được sáng tác khi đi công cán ở các nơi. Một số tác phẩm tiêu biểu của ông như *Tây hành thi ký* gồm 45 bài thơ làm trong dịp đi hiệu lực ở miền biển

Tây năm 1830; Hải hành ngâm (có lẽ cũng là Tiểu Tây hành) và Nhật trình ký viết trong chuyến đi hiệu lực năm 1830. Tây hành kiến văn kỷ lược của Lý Văn Phức được xem là “cột mốc đánh dấu khả năng to lớn của ký trong việc phản ánh hiện thực” [7]. Ông kể lại một thế giới vô cùng mới mẻ, những tương đồng, đối lập của các giá trị văn hóa, sự khác biệt giữa văn minh phương Đông và phương Tây ở nhiều phương diện mà chủ yếu là những ứng xử trong xã hội. Nền văn minh công nghiệp cũng khiến ông hết sức ngạc nhiên và thích thú. Tất cả những điều đặc biệt ấy được ông miêu tả lại dưới con mắt của một nhà nho điển hình. Rất nhiều tác phẩm ông viết ở nước ngoài khác trong các chuyến đi Singapore (Nghĩ Vô Danh công tự thuật phú: Bài phú tự thuật của ông Vô Danh), Phúc Kiến, Trung Quốc (Mân hành tạp vịnh thảo: Tập thơ làm trên đường sang đất Mân Việt), Luzon thuộc Philippines (Đông hành thi thuyết: Tập thơ văn làm trong chuyến đi công cán ở Lữ Tống), Ma Cao (Kính hải tục ngâm: 110 bài thơ vịnh cảnh, vịnh di tích lịch sử), Trung Quốc (Chu nguyên tạp vịnh thảo Tập thơ làm trong dịp sang sứ Yên Kinh, Sứ trình chí lược thảo: Ghi chép về cuộc hành trình đi sứ nhà Thanh)...

Một tác giả tiêu biểu khác là Phan Huy Chú. Ông được vua Minh Mạng cử đi nhiều nơi, trong đó có Trung Quốc để mua tài liệu sách cổ, cả những sách mà bên đó người ta không in, thu thập những thông tin có giá trị về tình hình xã hội Trung Quốc. *Hải Trình Chí Lược* của Phan Huy Chú [8] ghi lại lộ trình bắt đầu từ Đà Nẵng, qua Đèo Cả, xuống Mũi Né - Phan Thiết, tới Singapore, rồi dọc theo đảo Sumatra tới thủ đô Batavia nằm trên đảo Java (Indonesia). Người đọc còn được mở rộng tầm nhìn về bối cảnh lịch sử và văn hóa Việt Nam thế kỷ XIX trong sự giao tiếp giữa Việt Nam và các vùng lân cận, với các nền văn hóa xa lạ vùng Đông Nam Á, kể cả văn hóa phương Tây. Cuối sách là những

địa đồ, tranh ảnh, minh họa được lựa chọn kỹ càng cho cuốn sách. Điều mà chúng ta thường thấy rất thiếu trong các công trình nghiên cứu sử địa của Việt Nam từ trước đến giờ. Ông Tạ Trọng Hiệp đã khẳng định *Hải Trình Chí Lược* là một tập du ký được Phan Huy Chú dâng lên vua Minh Mạng sau chuyến công du.

Năm 1944, Cao Bá Quát được cử đi sứ và chúng ta đã có *Dương phụ hành* của ông là một bài thơ có thể coi là tiêu biểu cho ý thức văn hóa Trung đại Việt Nam, cho thấy ý thức về văn hóa của cá nhân Cao Bá Quát cũng như một số nhà Nho đã hoàn toàn thay đổi. Nhờ có chuyến “duyên trình hiệu lực” mà Cao Bá Quát viết được bài thơ *Dương phụ hành*, một bài thơ cho thấy tác động mạnh mẽ của nền văn hóa phương Tây khác lạ đến nhận thức và tình cảm của nhà nho Việt Nam này.

Cao Bá Quát đã thể hiện sự ngạc nhiên trước những điều mắt thấy tai nghe từ phương trời xa lạ. Vì ông là một “nhà nho tài tử” nên sự ngạc nhiên của ông đã được ghi lại. Trong *Dương phụ hành*, lần đầu tiên người phụ nữ phương Tây xuất hiện trong thơ ca Trung đại Việt Nam. Vĩnh Sinh đã có sự so sánh thú vị về nhận thức của Cao Bá Quát về văn minh phương Tây so với Fukuzawa Yukichi của Nhật Bản năm 1860 sang Mỹ và ngạc nhiên trước phong tục tập quán hàng ngày, nhất là khía cạnh giao tế nam nữ của họ. Giáo sư viết: “Trong tự truyện của Fukuzawa Yukichi, các mẩu chuyện nho nhỏ về quan hệ nam nữ trong việc giao tế hàng ngày ở Hoa Kỳ được xếp trong phần mang tiêu đề là “Nữ trọng nam khinh” (trọng nữ khinh nam)- một tiêu đề khá ấn tượng nhằm nói lên sự khác biệt với khuynh hướng “Nam trọng nữ khinh” (trọng nam khinh nữ) trong xã hội Nhật Bản lúc bấy giờ”. Chúng ta có thể thấy sự tương đồng về văn hóa giữa Việt Nam với Nhật Bản cũng như nét tương

đồng khi giao lưu văn hóa với phương Tây. Vĩnh Sinh cũng nhận xét: “trong mảng thơ văn đi sứ hay đi công cán ở nước ngoài của các sứ thần Việt Nam vào thế kỷ XIX, bài thơ của Cao Bá Quát về người phụ nữ Tây phương là một trường hợp rất hiếm hoi và có ý nghĩa bởi lẽ điều này nói lên cá tính phóng khoáng của Cao Bá Quát- không chịu bó mình trong khuôn phép Nho giáo. Chính những khuôn thước gò bó của Nho giáo đã ngăn chặn các sứ thần Việt Nam hay Trung Quốc khi đi sứ ở Tây phương quan sát hay ghi lại những điều gì có liên hệ đến nếp sống của người phụ nữ nói riêng hay sinh hoạt hàng ngày của dân chúng nói chung, mà phần lớn chỉ đề ý đến các hình thức bên ngoài có tính cách lễ nghi” [9]. Phan Huy Lê có một nhận định quan trọng và thú vị về ấn tượng của các sứ thần Việt Nam đối với trang phục màu trắng của người Tây phương: “Dưới con mắt người Việt Nam, nét đặc sắc nhất của người Hà Lan là thích mặc y phục màu trắng, trong lúc màu trắng là màu tang phục trong phong tục của người Trung Hoa và người Việt Nam. Trong thơ văn của một số sứ giả Việt Nam như Cao Bá Quát (1808-1855), Hà Tông Quyền (1789-1839), gọi người Hà Lan là “tuyết y khách” tức khách áo trắng như tuyết [10]. *Dương phụ hành* của Cao Bá Quát là một ngoại lệ do ông có ấn tượng mạnh khi ông tiếp xúc với một nền văn hóa quá khác lạ.

Những tư tưởng mới lạ của Cao Bá Quát so với nhà Nho Việt Nam ở giữa thế kỷ XIX chính là kết quả của những quan sát tiếp xúc trong một chuyến đi nước ngoài, chưa phải là sự thâm nhập vào chiều sâu của hệ thống giá trị, hệ thống tư tưởng xã hội phương Tây vốn là nền tảng quyết định đến những thành tựu khoa học kỹ thuật vốn còn bị kỳ thị ở Việt Nam khi đó. Đây là những ghi nhận của quá trình giao lưu, hội nhập của Việt Nam với thế giới dưới con

mắt của một nhà nho phóng khoáng, có tư tưởng cởi mở.

Chuyến đi *Dương trình hiệu lực* Cao Bá Quát chính là chuyến đi ra nước ngoài, tiếp xúc với nền văn minh phi truyền thống, kể cả văn hóa Đông Nam Á và văn hóa phương Tây lúc ấy đã có mặt ở phương Đông qua những nhân vật đại diện như nhà truyền giáo và thương nhân, tư tưởng Cao Bá Quát đã có những thay đổi quan trọng. Phân tích bản chất và ý nghĩa của sự thay đổi tư tưởng này sẽ là một nhiệm vụ của bài viết. Có thể coi cuộc tiếp xúc này của Cao Bá Quát là những bước hội nhập quốc tế đầu tiên của người Việt. [11]

Sau chuyến đi Pháp về Phạm Phú Thứ dâng *Tây hành nhật ký* lên vua Tự Đức (1864). Đây là bản di thảo của Phạm Phú Thứ viết về chuyến đi cùng Phan Thanh Giản đến Pháp và Tây Ban Nha năm 1863, nguyên bản tiếng Hán. Tác phẩm kể lại nhiều chuyện kỳ lạ như: chuyện lạ nước ngoài như "đèn thấp không dầu, ngọn lửa chúc xuống (đèn điện), giếng nước vọt lên cao (nước phun trong công viên) v.v... Phạm Phú Thứ từng kết luận: "Quang cảnh thế giới đã thức tỉnh giấc mộng trần tục của tôi" [12].

Philip Bình là linh mục Dòng Tên, ông dẫn một phái đoàn gồm toàn linh mục người Việt sang Bồ Đào Nha để xin vua Bồ can thiệp với Toà Thánh La Mã bãi lệnh đóng cửa Dòng Tên. Đầu năm 1797 đoàn đến thủ đô Lisbonne, Philip Bình sống ở đây cho tới khi chết. Ông để lại tới 21 bộ sách (không kể những quyển viết về đạo) nghiên cứu so sánh về văn hóa, phong tục, ngôn ngữ của Việt Nam và phương Tây. Tiêu biểu là: *Sách tự vị tiếng nước ta cùng tiếng nước người* (Việt Bồ - Bồ Việt-1797); *Truyện Anam đàng ngoài quyển nhất* (1822); *Truyện Anam đàng trong quyển nhị*; *Sách sổ sang chép các việc...* Trong đó *Sách sổ sang chép các việc* là một hồi ký ghi chép tỉ mỉ đời sống hàng ngày

và tổ chức xã hội của Bồ Đào Nha vào cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19: có các mục *Đời sống hàng ngày* và *Tổ chức xã hội*. Trong các tác phẩm của mình, ông đã kể lại hành trình chuyến đi 15 năm của mình dưới con mắt một nhà tu hành.

Những chuyến đi sứ nước ngoài, nhất là khi có dịp tiếp xúc với văn minh Tây Âu là những giao lưu văn hóa vô cùng quan trọng, dần thay đổi quan điểm “hủ nho”. Chính những “cú sốc” văn hóa góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của văn hóa Việt Nam tới những điều văn minh, mới mẻ của phương Tây [13]. Các tác giả du ký trong văn học trung đại đã dần dần có những bước chuyển biến rõ rệt: từ việc viết hoàn toàn bằng chữ Hán, đã chuyển dần sang viết bằng chữ Nôm, rồi chữ Quốc ngữ, thậm chí là chữ Pháp (Trương Vĩnh Ký), chữ Bồ Đào Nha (Philip Bình, linh mục Thanh Lăng)...; từ tư tưởng hủ nho thủ cựu đã chuyển sang đưa hình ảnh người phụ nữ phương Tây vào thơ (*Dương phụ hành* của Cao bá Quát)...

Trương Vĩnh Ký có thể coi là một tài năng của Việt Nam thế kỷ 19 khi ông viết rất nhiều tác phẩm bằng nhiều thứ tiếng. Ông là thông ngôn chính trong chuyến đi của Phạm Phú Thứ và Phan Thanh Giản. Ông luôn tự nhận chỉ là *con người của văn hóa* nên muốn phục vụ cả Việt Nam và Pháp bằng con đường văn hóa. Trong thư gửi cho Stanislas Meunier ông viết: "Tôi chỉ có thể làm cái gạch nối giữa hai dân tộc vừa mới gặp nhau tại Nam kỳ. Tôi chỉ có thể giúp hai dân tộc này hiểu nhau và thương yêu nhau, do đó tôi thường dịch từ tiếng Việt ra tiếng Pháp và từ tiếng Pháp ra tiếng Việt với nhận thức rằng sau ngôn ngữ, sau chữ nghĩa, một ngày nào đó các tư tưởng sẽ được hấp thụ và chúng tôi bắt đầu làm quen với nền văn minh mới của xứ sở ông" [12]. Trương Vĩnh Ký luôn khao khát muốn "mở mang dân trí" cho người dân Việt bằng cách truyền thụ những cái hay, cái mới học hỏi được ở Tây phương, đồng thời vẫn cố gắng duy trì truyền thống phương Đông.

Chuyến đi Bắc kỳ năm Ất Hợi (1876) của Trương Vĩnh Ký được viết lại sau 5 năm kể từ thời gian đi (1881) từ một báo cáo hành chính, cho xuất bản bằng chữ quốc ngữ. Báo cáo hành chính về chuyến đi hoàn toàn chỉ là một văn bản báo cáo đơn thuần, còn *Chuyến đi Bắc kỳ năm Ất Hợi* lại là một tập văn viết về một chuyến đi. Có thể coi đây là một tác phẩm du ký để tác giả gửi gắm những ký ức về chuyến đi của mình đến đông đảo độc giả. Tuy tác phẩm vẫn có những số liệu thống kê rất cụ thể về địa lý, địa vực, về dân số, tài chính, thuế... nhưng cũng có rất nhiều hồi tưởng và những hiểu biết về phong tục, tập quán và văn hóa của những vùng miền ông đã đi qua trong suốt chuyến đi.

3. Phân loại sáng tác du ký trung đại

Thời trung đại ở Việt Nam, cũng đã xuất hiện loại sáng tác có tính chất du ký nhưng chưa nhiều. Chúng ta cần phân biệt hai loại sáng tác: thơ viết khi đi đường (đi thi, đi công cán, đi sứ...) và văn xuôi phi cốt truyện ghi chép về các chuyến đi.

Thơ đi đường được viết do tác giả ngẫu nhiên gặp núi non, sông ngòi hay chùa chiền mà tức cảnh sinh tình ít nhiều có tính chất du ký, ngày nay có thể được khai thác để phục vụ cho mục tiêu quảng bá du lịch. Chúng ta có thể thấy *Bạch Đằng giang phú* của Trương Hán Siêu hay *Bạch Đằng giang* Nguyễn Sưởng. Các ông còn có nhiều bài thơ viết về thiên nhiên, về thú du ngoạn chùa chiền, thăm lại những chốn cũ, người xưa; những bài thơ viết về Hồ Tây (Hà Nội) của nhiều thi nhân xưa như Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Miên Thẩm, hay các sáng tác về chùa Hương của Chu Mạnh Trinh. Những sáng tác thi phú này có thể gọi là *thơ vịnh cảnh, vịnh vật*, chủ yếu là phương tiện bộc lộ tâm tình, nói chí, tải đạo chứ chưa có nhiều nội dung nhận thức, phản ánh hiện thực. Những bài

thơ viết trong thời gian đi sứ của các sứ thần Việt Nam có thể coi là thơ du ký đặc biệt, ghi nhận những quan sát về các miền đất và con người xa lạ. Tuy nhiên, các sáng tác này cũng không đem lại nhiều nhận thức, hiểu biết phong phú cho chúng ta vì chúng chủ yếu vẫn là thơ nói chí. Hầu hết thơ du ký trung đại là những sáng tác viết về sơn thủy, đền đài, miếu mạo, các cảnh đời của người dân.

Loại thơ vịnh cảnh vịnh vật như vậy vẫn tiếp tục tồn tại trên nhiều báo chí đầu thế kỷ XX, ví dụ như *Nam Phong*, *Thanh Nghị*, *Thanh Nghệ Tĩnh tân văn*...

Trong nhóm thơ đi đường, nổi bật là những bài thơ được sáng tác khi các nhà nho đi sứ Trung Quốc qua các triều đại. Nhưng thơ đi sứ có những đặc điểm riêng không giống với bút ký du lịch hiện đại. Nhiệm vụ của sứ thần là “bất nhục quân mệnh” (không được làm nhục mệnh lệnh của vua trao) nên các bài thơ này trước hết thể hiện trách nhiệm của một nhà ngoại giao trước sứ mệnh, sau đó là bộc lộ tâm tình của người con, người chồng, người cha khi đi xa quê hương, thể hiện nhân cách nhà nho cao khiết, trong sạch, cứng cỏi và tấm lòng đối với người dân cùng khổ trên đất nước Trung Hoa nơi họ đi sứ.

Văn xuôi du ký trung đại đã khá nhiều như chúng tôi đã điểm qua các tác gia và các tác phẩm có tính chất ký sự ở thế kỷ XVIII như *Thượng kinh ký sự*, *Tang thương ngẫu lục*, *Vũ Trung tùy bút*..., thế kỷ XIX như *Tây hành thi ký*, *Hải hành ngâm*, *Nhật trình ký*, *Hải trình chí lược*, *Dương trình hiệu lược*, *Tây hành nhật ký*, *Chuyến đi Bắc kỳ năm Ất Hợi*...

Loại bút ký, tản văn này, so với thơ, chứa đựng nhiều thông tin hơn về các cảnh quan, không gian thiên nhiên, văn hóa, phong tục tập quán, con người... nơi tác giả đi qua hay đến thăm. Tuy vẫn tập trung vào thể hiện tâm tư tình cảm của nhà nho, song các bài bút ký, ký sự này có những giá trị thông tin tư liệu nhất

định, phục vụ cho việc tìm hiểu đất nước ngày nay, đồng thời là những tác phẩm văn học có giá trị.

Nhìn chung, mảng sáng tác trung đại có tính du ký có những nét riêng so với du ký hiện đại. Tất nhiên, ngành du lịch hiện đại có thể sử dụng tên tuổi của các văn nhân thi sĩ cùng những thơ phú của họ để quảng bá du lịch. Mặt khác, phải thừa nhận là giá trị thông tin và nhận thức con người, văn hóa từ những sáng tác như thế chưa cao so với sáng tác du ký hiện đại. Tuy nhiên sang thế kỷ XIX, việc mô tả những quan sát cuộc sống đô thị đã bắt đầu xuất hiện trong những bài ký của sứ thần ở nước ngoài.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (Chủ biên): Từ điển thuật ngữ văn học. NXB Giáo dục, H., 1992, tr.75-76.
- [2] Mã Giang Lân (Chủ biên), Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900-1945, NXB Văn hóa thông tin, 2000.
- [3] Trần Nho Thìn (2012), Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX, NXB Giáo dục.
- [4] Trần Nho Thìn (2008), Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa, NXB Giáo dục.
- [5] Nguyễn Công Lý, Hội thảo: Việt Nam-Trung Quốc, mối quan hệ văn hóa và văn học trong lịch sử (Vietnam and China: Cultural and Literary Interrelation in History), Tháng 9/2011, Khoa Văn học và ngôn ngữ, Đại học Quốc gia TP HCM, Bài Thơ đi sứ trung đại Việt Nam viết về danh thắng ở Hồ Nam - Trung Hoa và trường hợp Nguyễn Trung Ngạn.
- [6] Đỗ Văn Hỷ (1993), Người xưa bàn về văn chương, 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7] Lại Văn Hùng, Về bộ ba tác phẩm “truyện ngắn, ký, tiểu thuyết chương hồi”, Tạp chí Hán Nôm, số 3/2002.
- [8] Phan Huy Chú Hải Trình Chí Lược -Récit sommaire d'un voyage en mer 1833, Phan Huy Lê, Claudine Salmon và Tạ Trọng Hiệp dịch và giới thiệu. NXB Association de l'Archipel tại Paris

- phát hành tuyển tập thứ 25 của hội, cuốn sách biên khảo song ngữ Pháp-Việt.
- [9] Vĩnh Sinh, Thử tìm hiểu về chuyến đi công vụ ở Hạ Châu của Cao Bá Quát, Diễn đàn, số 137, 12/10/ 2004; Chuyển dẫn theo sách Cao Bá Quát, về tác gia và tác phẩm. NXB Giáo dục, 2006, tr.192-193.
- [10] Phan Huy Lê, Nhận thức về Hà Lan qua hồi ký của Phan Huy Chú năm 1832-1833. Sách Sự tử và
- rồng, bốn thế kỷ quan hệ Hà Lan- Việt Nam, Nhiều tác giả, NXB Thế giới, 2008, tr.99.
- [11] Trần Ngọc Vương (1996), Nhà Nho tài tử, NXB Giáo dục.
- [12] Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Ký sự đi Thái Tây, bài Phạm Phú Thứ với Tư tưởng canh tân, tr.49.
- [13] Nguyễn Bá Thành (2006), bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Features of Medieval Travelling Literature

Nguyễn Thị Thúy Hằng

*VNU University of Social Sciences and Humanities
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Briefly speaking, traveling notes are the literary writings of travelers. This is a kind of special notes to record the inspiration of travelers who discover the new land, the emotion about the new roads, the images of special journeys. A researcher once said: In fact, traveling is a movement in the exotic cultural and geographical space. Not only going abroad, domestic travel is also a kind of movement to the “other people’s” spaces. So, the tourist literature is closely connected with the inspiration to find out the strange things.

The medieval literature possessed a lot of works having the character of traveling notes. Most of the Medieval journeys were not the tourist journeys in a true sense of the word, but they were the business, diplomatic, examination trips, or trips for other purposes. The Medieval travel notes were rather abundant in forms: poems, proses, “domestic” traveling notes, and until the 19th century when the East and West began to have contacts, there were the travel notes of Asia and Europe, etc.

The authors of the Medieval literature were mostly priest and, Confucian scholars. Priests wrote books of poetry to propagate the religious faith, Confucian scholars created poems and proses to talk about the ambition, faith, not to talk about the reflection and realistic awareness.

As mentioned above, The medieval traveling stories (we called that for the literature written about the description of landscape during the business trips of Medieval poets) mostly were poems and prose written during the diplomatic trips. We list here some symbolic authors: Pham Dinh Ho, Le Huu Trac, Ly Van Phuc, Phan Huy Chu, Pham Phu Thu, Cao Ba Quat, Truong Vinh Ky.

During the Middle ages in Vietnam, there had appeared certain writings of traveling notes, but it was not many. They should be classified as two kinds of writing: poems written during the travelling (examination, business or diplomatic trips, etc.) and prose written about the trips.

Keywords: Medieval literature, travel, trips, Medieval traveling notes.